

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Lệ;

Ông Nguyễn Ngọc Lương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thùy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Lê Đình Vĩnh H**, tên gọi khác: **M**, sinh ngày 15/8/2001 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đình C**, sinh năm 1965 và bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến nay tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

2. **Nguyễn Nhật M1**, tên gọi khác: **B**, sinh ngày 30/8/2005 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1983 và bà **Dương Thị H1**, sinh năm 1981; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình Vĩnh H:** Luật sư **Nguyễn Thị L** - Văn phòng L3, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **Số C đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Nhật M1**: Bà **Lê Thị Thủy N** -Trợ giúp viên pháp lý - **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q**; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị **Phù Thị Ánh H2**, sinh năm 1996; địa chỉ: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

+ Anh **Nguyễn Thanh H3**, sinh năm 1988; địa chỉ: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 22 phút ngày 14/8/2023, **Lê Đình Vĩnh H** sử dụng tài khoản zalo của mình gọi đến tài khoản zalo của **Nguyễn Nhật M1** thuê **M1** mua ma túy đưa về cho **H** bán kiếm lời, **M1** đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, **M1** điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 74AH-007.18 đến nhà **Phù Thị Ánh H2** gặp **H**. **H** sử dụng điện thoại chuyển khoản cho **M1** số tiền 1.700.000 đồng và đưa cho **M1** số tiền mặt 650.000 đồng, tổng cộng 2.350.000 đồng, trong đó 2.300.000 đồng để mua ma túy, còn 50.000 đồng để **M1** đổ xăng, **H** hứa trả công cho **M1** sau khi mua được ma túy. **H** không nói cụ thể nhưng giữa **H** và **M1** đều ngầm hiểu **H** sẽ trả công cho **M1** số tiền 200.000 đồng và 20 viên/01 gói ma túy tổng hợp. Sau đó, **M1** điều khiển xe đến quán may áo quần của chị **Trần Thị L1**, **M1** chuyển khoản cho chị **L1** 1.350.000 đồng rồi chị **L1** đưa tiền mặt giao cho **M1**, **M1** trả công cho chị **L1** 20.000 đồng. Sau khi có tiền, **M1** điều khiển xe đến bờ **sông S thuộc thôn B, xã T, huyện H**, thuê đò chở qua bờ sông đối diện, thuộc địa phận nước Lào, gặp một người phụ nữ (không rõ lai lịch địa chỉ). Tại đây, **M1** đưa cho người phụ nữ này 2.000.000 đồng để mua ma túy, người này nhận tiền rồi giao cho **M1** 02 gói ni lông màu xanh, bên trong có ma túy tổng hợp. **M1** không kiểm đếm số viên ma túy trong 02 gói ni lông nhưng sờ nắn bên ngoài và biết mỗi gói không đủ 200 viên ma túy tổng hợp nên nói với người bán ma túy “02 lần mua trước về kiểm tra thấy thiếu hàng”, người bán ma túy trả lời “đợt này khi nào hàng cũng không đủ”, **M1** nói “Chị làm thế người mua họ bắt đền tội em” rồi xin người phụ nữ thêm một túi ni lông để đóng gói ma túy. Người phụ nữ này vào một nhà gần đó rồi quay ra đưa cho **M1** 01 túi ni lông màu đen và đưa thêm 02 gói ni lông màu xanh chứa ma túy tổng hợp hồng phấn để bù số ma túy còn thiếu. **M1** bỏ 02 gói ma túy mà người phụ nữ đưa trước đó vào túi nilong màu đen gói lại để vào túi quần phía trước bên phải, còn 02 gói ma túy người phụ nữ đưa ra sau, **H** để 01 gói vào túi quần phía trước bên phải, 01 gói vào trong túi quần phía trước bên trái. Sau khi mua được ma túy, **M1** quay về theo đường cũ để đưa toàn bộ số ma túy này cho **H**

như thỏa thuận trước đó. Khi đi đến bờ sông S, thuộc thôn B, xã T, huyện H, thì bị Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L4 bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Trong quá trình điều tra, Lê Đình Vĩnh H, Nguyễn Nhật M1 còn khai nhận trước đó H đã 02 lần thuê M1 đi mua ma túy về để bán lại kiếm lời, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 7/2023, M1 biết H mua bán trái phép chất ma túy nên đặt vấn đề giúp H mua ma túy giá rẻ, H đồng ý. Sau đó, H giao cho M1 số tiền 1.200.000 đồng nhờ M1 mua 01 gói ma túy (khoảng 200 viên), hứa trả công cho M1 số tiền 200.000 đồng và 20 viên ma túy tổng hợp, M1 đồng ý. Sau khi nhận tiền, M1 sang Lào mua của người phụ nữ (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy tổng hợp với giá 1.200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, M1 quay về giao ma túy cho H, H cùng M1 kiểm đếm thấy có tổng cộng 181 viên ma túy tổng hợp, H trả công cho M1 như đã thỏa thuận.

Lần thứ hai: Khoảng ngày 10/8/2023, H tiếp tục liên lạc bảo M1 gặp rồi giao cho M1 số tiền 1.190.000 đồng để mua 01 gói ma túy tổng hợp, M1 sang Lào mua của người phụ nữ nêu trên 01 gói ma túy tổng hợp với giá 1.190.000 đồng đưa về cho H, H cùng M1 kiểm đếm thấy có tổng cộng 185 viên, H trả công cho M1 200.000 đồng và 20 viên ma túy tổng hợp như lần trước. Số ma túy mua ở hai lần này, sau khi trả công cho M1 20 viên/lần, số còn lại H đã bán cho nhiều người (trong đó có Nguyễn Thanh H3, trú tại: K, thị trấn K, H) và sử dụng hết. M1 cũng đã sử dụng hết 40 viên ma túy mà H trả công.

Tại bản kết luận giám định số 801/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q xác định: Các viên nén hình trụ tròn, màu hồng trong túi niêm phong ký hiệu MTM gửi đến giám định có khối lượng 57,91g là ma túy loại Methamphetamine. Các viên nén hình trụ tròn, màu xanh trong túi niêm phong ký hiệu MTM gửi đến giám định có khối lượng 0,5161g, không phát hiện chất ma túy.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT: 247 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Cáo trạng số 14/CT-VKSQT-P1 ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Lê Đình Vĩnh H, Nguyễn Nhật M1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Lê Đình Vĩnh H, Nguyễn Nhật M1 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Đình Vĩnh H, Nguyễn Nhật M1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g, o khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Đình Vĩnh H: 16 năm 06 tháng đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật M1:

từ 11 năm đến 11 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm tù.

- Buộc bị cáo **M1** nộp lại tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.
- + Tịch thu, tiêu hủy số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định, bật lửa, 02 mảnh giấy kẽm, chai nhựa, 03 que thử nhanh ma túy, sim điện thoại.
- + Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu ESPERO của bị cáo **M1**; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo **H**.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo **Lê Đình Vĩnh H**:* Thống nhất tội danh bị cáo bị truy tố và xét xử. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS, vì bị cáo **M1** khi phạm tội là người chưa thành niên, nhưng bị cáo **M1** lại là người chủ động gợi ý mua ma túy giá rẻ về cho **H** bán lại kiếm lời; bị cáo **H** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt 12 năm tù là phù hợp.

*Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Nhật M1**:* Thống nhất tội danh bị cáo bị truy tố và xét xử, thống nhất tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo: Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo và đã khai báo **H** là đồng phạm để từ đó giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng vụ án, do đó bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ ly hôn; bị **H** lôi kéo mua bán ma túy; bị cáo có vai trò thấp trong vụ án; bị cáo là người chưa thành niên. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo từ 09 đến 10 năm tù.

*Lời nói sau cùng của bị cáo **Lê Đình Vĩnh H**:* Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo rất hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm về với gia đình và hòa nhập cộng đồng.

*Lời nói sau cùng của bị cáo **Nguyễn Nhật M1**:* Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được tội lỗi của mình gây ra, biết việc làm của mình là sai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ngày 14/8/2023, **Lê Đình Vĩnh H** đưa tiền thuê **Nguyễn Nhật M1** mua ma túy. **M1** sang Lào mua 57,91g ma túy loại Methamphetamine để về giao cho **H** bán kiếm lời. Trên đường vận chuyển về đến bờ **sông S, thuộc thôn B, xã T, huyện H** thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Quá trình điều tra, **H** và **M1** còn khai nhận trước đó **H** đã 02 lần đưa tiền thuê **M1** đi mua ma túy về để bán kiếm lời, **M1** được trả công 400.000 đồng và 40 viên ma túy.

Như vậy, bị cáo **Lê Đình Vĩnh H** có hành vi mua 57,91g ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời nên bị cáo có vai trò chính trong vụ án; bị cáo **Nguyễn Nhật M1** được **H** thuê đi mua ma túy, là đồng phạm, giúp sức tích cực. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **M1** chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo **H** còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **H** tự thú về 2 lần thuê bị cáo **M1** mua ma túy cũng như việc bán ma túy cho những người khác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo có ông bà nội, ngoại là người có công với cách mạng, trong đó bị cáo **H** có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huy chương kháng chiến hạng Nhất; ông ngoại được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất. Bị cáo **M1** có ông nội được tặng thưởng Huân

chương chiến công hạng Ba, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba nên cần xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc mua bán chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì hám lợi bất chính nên đã bất chấp để thực hiện. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trật tự, trị an trên địa bàn, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Tang số phạm tội của các bị cáo gấp gần 2 lần mức khởi điểm của khung hình phạt. Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng các bị cáo cũng phải chịu nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt như đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn bằng mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Riêng bị cáo **Nguyễn Nhật M1** khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên cần áp dụng quy định tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo **Nguyễn Nhật M1** còn bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2023/HS-ST ngày 14/9/2023, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 2 bản án, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[6]. Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo **M1** được bị cáo **H** thuê mua ma túy 3 lần, ngày 14/8/2023, bị cáo **H** giao bị cáo **M1** 2.300.000đồng, **M1** mua ma túy hết 2.000.000đồng, còn lại 300.000đồng. Hai lần trước đó **M1** được **H** trả công 400.000đồng, tổng cộng 700.000đồng. Đây là số tiền **M1** có được do thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo **M1** nộp số tiền 700.000đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định (niêm phong ký hiệu PS2 1914422; PS2 043981), 01 bật lửa ga màu xanh, 02 mảnh giấy kẽm, 01 chai nhựa, 03 que thử nhanh ma túy, sim điện thoại là những vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo **M1**; 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo **H**; đây là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu ESPERO, số loại EX2 king 50, màu đen, xanh, gắn biển kiểm soát 74AH-007.18, số khung RR6DCB7UMFT822489, số máy: VZS139FMB*822489, chủ xe là anh **Nguyễn K**. Tuy nhiên, anh **Nguyễn K** đã bán lại cho bà **Nguyễn Thị Hải L2**, bà **L2** cho con là **Dur Tuấn A**. Tháng 7/2023, anh **Tuấn A** bán lại cho **Nguyễn Nhật M1**. **M1** đã sử dụng xe vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Tiền **ngân hàng N1** đang lưu hành 30.000 đồng thu giữ từ bị cáo **M1** (niêm phong ký hiệu KL 1002). Đây là số tiền còn lại của **M1** trong quá trình mua bán ma túy ngày 14/8/2023 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8]. Đối với những đối tượng có liên quan:

- Đối với chị **Phù Thị Ánh H2**: Kết quả điều tra xác định chị **H2** không biết và liên quan đến việc **H**, **M1** mua bán trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

- Đối với anh **Nguyễn Thanh H3**: là người mua ma túy của **Lê Đình Vĩnh H** để sử dụng nên Cơ quan điều tra đã chuyển thông tin để **Công an thị trấn K, huyện H** xử lý theo quy định của pháp luật.

[9]. Do thời hạn tạm giam đối với 02 bị cáo còn dưới 45 ngày nên HĐXX ban hành quyết định tạm giam mới đối với 02 bị cáo.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lê Đình Vĩnh H** (tên gọi khác: **M**) và **Nguyễn Nhật M1** (tên gọi khác: **B**) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g, o khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Đình Vĩnh H** 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/8/2023.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhật M1** 11 (mười một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của TAND huyện Hướng Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/8/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

* *Tịch thu, tiêu hủy:*

- 01 túi niêm phong ký hiệu PS2 1914422 có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu **Phòng K1 Công an tỉnh Q**;

- 01 túi niêm phong ký hiệu PS2 043981 có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu **Phòng K1 Công an tỉnh Q**;

- 01 chai nhựa trong suốt không có nắp đậy, trên thân chai có một lỗ thủng, tại vị trí lỗ thủng có gắn 01 ống tre rỗng hai đầu;

- 01 que thử nhanh chất ma túy có trong cơ thể hiệu Fastep Rapid Diagnostic của **Lê Đình Vĩnh H**;

- 01 que thử nhanh chất ma túy có trong cơ thể hiệu Fastep Rapid Diagnostic của **Nguyễn Nhật M1**;

- 01 que thử nhanh chất ma túy có trong cơ thể hiệu Fastep Rapid Diagnostic của **Phù Thị Ánh H2**;

- 01 bật lửa ga màu xanh, bên trên có dòng chữ GIANG ĐẠT THÀNH đã qua sử dụng; 02 mảnh giấy kẽm trong tình trạng bị cháy sém không xác định được hình dạng, kích thước;

- 01 sim **V** có số thuê bao 0385.197.577, 01 sim Viettel có số thuê bao 0983.667.326 (gắn trong 02 điện thoại đựng trong phong bì giấy được niêm phong ký hiệu ĐTHN);

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đồng, trên bề mặt của ốp lưng có in hình quả táo khuyết và dòng chữ Iphone, imel 353093103985485; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, trên bề mặt phía dưới bên phải màn hình bị nứt vỡ, lưng máy màu xanh trên bề mặt có in chữ SAMSUNG, imel 354813/60/131366/9 (cả hai điện thoại được đựng trong phong bì niêm phong dán kín miệng, bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu **Phòng K1 Công an tỉnh Q**, ký hiệu ĐTHN);

- 01 xe gắn máy 02 bánh, nhãn hiệu ESPERO, số loại EX2 king 50, màu đen, xanh, gắn biển kiểm soát 74AH-007.18, số khung RR6DCB7UMFT822489, số máy: VZS139FMB*822489, xe không có gương chiếu hậu, trên bề mặt yên xe bị rách nhiều vị trí.

(Các vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

- Tiền **ngân hàng N1** 30.000đồng được đựng trong 01 phong bì niêm phong ký hiệu KL1002, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu **Phòng K1 Công an tỉnh Q**. Hiện đang bảo quản tại **Kho bạc Nhà nước tỉnh Q** theo biên bản giao nhận tài sản số 35/2023/BBBG-CSĐT CA tỉnh ngày

12/12/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.

- Buộc bị cáo Nguyễn Nhật M1 nộp lại số tiền 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Đình Vĩnh H, Nguyễn Nhật M1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- CA tỉnh Quảng Trị (PC04);
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Trung